

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS - PT
Ngày: 30-9-2022
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Thảo**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Phạm Tiến Hiệp**

2. Ông **Lê Quang Ninh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Thế Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLPT – DS, ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐPT - DS ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố 7, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Địa diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền Hoàng Văn Q, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2021

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo pháp luật bà Võ Thị Thanh N – Chi cục trưởng

Đại diện theo ủy quyền ông Ngô Hữu Đ, sinh năm 1964 – Chấp hành viên (có mặt).

- Người làm chứng:

Bà Trần Thị V, sinh năm 1961 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Do bị đơn kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2014 vợ tôi là bà Nguyễn Thị Kim N có mua 01 thửa đất do Cơ quan thi hành án dân sự huyện B bán đất giá đối với thửa đất có diện tích 295m², trên đất có căn nhà cấp 4, thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại Thôn B, xã B, huyện P.

Ngày 10/4/2014, cơ quan Thi hành án tiến hành bàn giao đất cho vợ tôi, khi bàn giao thì có làm thủ tục đo đạc, cắm mốc tứ cận của thửa đất và sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 844804 do UBND huyện P cấp ngày 26/5/3014.

Thửa đất bàn giao có tứ cận, phía Đông giáp suối; Phía Tây giá đường liên xã; Phía Bắc giáp đất bà Hường; Phía Nam giáp đất bà Mẫn. Do chúng tôi không

sinh sống ở trên đất này nên quá trình sử dụng bà Huỳnh Thị M, hộ giáp ranh đã sử dụng lấn sang đất của tôi với chiều ngang 4,8m, chiều dài 20m diện tích khoảng 86m², vị trí lấn là phía sau của thửa đất. Sau khi phát hiện sử dụng chúng tôi đã làm đơn lên chính quyền địa phương nhưng khi UBND xã tiến hành mời chúng tôi lên hòa giải thì bà M không đồng ý trả lại, sau đó chúng tôi đã khởi kiện ra Tòa án.

Nay chúng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị M phải có nghĩa vụ trả lại phần đất lấn chiếm của chúng tôi theo số liệu đo đạc thực tế là 100,1m² tọa lạc tại thôn B, xã B, huyện P.

Ngoài ra bên nguyên đơn không có ý kiến nào khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị M và Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:

Vào năm 2012, bà M có nhận chuyển nhượng diện tích đất có chiều ngang mặt tiền đường liên thôn 08m dài tới suối và chiều ngang mặt suối cũng là 08m, một ranh thì giáp bà H là ranh thẳng chạy xuống đến suối và ranh giáp phần đất của ông N (sau này cơ quan thi hành án bán đấu giá cho bà N) thì cũng là ranh thẳng chạy xuống đến suối, sau khi lập hợp đồng thì cán bộ địa chính xã và huyện B (Nay là địa bàn huyện P) đo đạc và cấp sổ đứng tên bà M, sau khi nhận đất thì chỉ có sử dụng phía trên (làm quán) còn phía sau giáp suối thì hàng năm đều bị lũ không trồng cấy gì được nên để đất trống, trước đây có đóng cọc mốc ranh nhưng do lũ hàng năm mục và làm mất ranh giữa nhà bà M và nhà ông N. Cùng năm 2012 do ông N bị bệnh nên bà Việt vợ ông N có bán tiếp cho bà M phần đất lưu không giáp phần cuối đất với bà H (Theo số liệu đo đạc thực tế là 70m²), số tiền là 20 triệu đồng, phần đất này hiện vẫn chưa được nhập vào sổ đất của bà M và hiện bà M vẫn đang quản lý sử dụng. Việc bên bà N cho rằng bà lấn đất là không đúng vì thửa đất bà M mua của ông N là mua trước bà N, và giữa hai phần đất là ranh thẳng tới suối chứ không phải ranh cong như bên bà N trình bày, vì vậy bà M khẳng định sử dụng đúng đất, không lấn chiếm đất của bà N nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trình bày: Xuất phát từ việc thi hành Bản án số 24/2012/DSST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B theo đó

vợ chồng ông N, bà V phải thi hành số tiền 245.000.000đ cho bà Lê Thị S, do vợ chồng ông N không thi hành án theo quy định nên Cơ quan thi hành án mới tiến hành cưỡng chế kê biên bán đấu giá tài sản đối với diện tích đất 295m² thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30 của vợ chồng ông N. Quá trình bán đấu giá tài sản đối với thửa đất trên Cơ quan thi hành án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật vào 07/3/2014 thì bà Nguyễn Thị Kim N trúng đấu giá đối với thửa đất trên. Cơ quan thi hành án đã tiến hành giao đất trên thực địa cho bà N, do bán nguyên thửa nên khi giao đất thì không đo đạc lại mà chỉ mốc cho bà N biết, sau đó bà N đi cấp đổi lại sổ và từ khi bà N trúng đấu giá đến nay thì cơ quan thi hành án không nhận được bất cứ thắc mắc khiếu nại gì. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N Cơ quan thi hành án có ý kiến các bên kết hợp với phong địa chính huyện xem xét nếu sai thì điều chỉnh lại theo đúng thực tế, còn nếu đủ đất rồi thì thôi và Cơ quan thi hành án đã bàn giao đất theo đúng quy định. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Người làm chứng:

Bà Trần Thị V trình bày: Thửa đất 914m² thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Thôn B, xã B, huyện P có nguồn gốc khai phá, năm 2007 thì vợ chồng bán cho ông Nguyễn Văn H 5m mặt tiền sâu đến suối, bán cho ông Cao Thành N 5m mặt tiền sâu đến suối, năm 2012 bán cho bà M 8m mặt tiền sâu đến suối cũng 08m và là đường ranh thẳng, phần đất còn lại thì bị Cơ quan Thi hành án B cưỡng chế bán đấu giá. Cũng trong năm 2012 thì bà còn bán tiết cho bà M phần đất lưu không khoảng 70m² vị trí phần giáp ranh với đất bà H, từ khi bán đất cho các hộ đến nay thì gia đình bà không có bất cứ tranh chấp gì và hiện không còn liên quan gì đến phần đất này. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà có ý kiến, bà N khởi kiện là không có căn cứ, bà thống nhất với lời trình bày của bà M. Ngoài ra bà không có yêu cầu, ý kiến nào khác và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS – ST ngày: 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N.

Bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 100,1m² nằm trong tổng diện tích đất 295m² (đo đạc thực tế 306,5m²) thuộc thửa đất số 63 (nay là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 60), tờ bản đồ số 30 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00483/CN ngày 26/5/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim N, tọa lạc tại T, xã B, huyện P cho bà Nguyễn Thị Kim N (Có sơ đồ đo vẽ ngày 08/10/2020 do Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện P thực hiện kèm theo). Về vị trí, ranh giới tứ cận của diện tích đất tranh chấp được thể hiện chi tiết trong sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, bị đơn bà Huỳnh Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị M có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 điều 308 sửa Bản án sơ thẩm, án phí và chi phí tố tụng giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Nhung khởi kiện bà Huỳnh Thị M có nơi cư trú tại thôn B, xã B, huyện P để yêu cầu trả lại đất lấn chiếm. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là thuộc Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị M:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị M phải trả lại diện tích đất 100,1m² nằm trong tổng diện tích đất 295m² (đo đạc thực tế 306,5m²) thuộc thửa đất số 63 (nay là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 60), tờ bản đồ số 30 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00483/CN ngày 26/5/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim N. Đại diện của bị đơn -bà Mẫn khẳng định mình sử dụng ranh giới và diện tích đúng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, không lấn chiếm đất của bà Nhung.

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện nguồn gốc diện tích đất 914m² thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại thôn B, xã B của gia đình ông Đinh Văn N, bà Trần Thị V có được do khai phá. Đến ngày 30/12/1998 thì được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 vợ chồng ông N chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, Lê Thị S diện tích 114m² (Sau đó ông H, bà S chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Huỳnh Công T, Lê Thị N như hiện nay), và chuyển nhượng cho vợ chồng ông Cao Minh N, bà Lê Thị Ú diện tích 177m² (Sau đó vợ chồng ông N, bà Ú chuyển nhượng lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc H như hiện nay). Đến năm 2012 vợ chồng ông N tiếp tục chuyển nhượng cho bà M diện tích 328m². Phần diện tích đất còn lại 295m² (đo đạc thực tế 306,5m²) thì bị Cơ quan Thi hành án dân sự huyện B cưỡng chế bán đấu giá để thi hành bản án, bà Nguyễn Thị Kim N là người trúng đấu giá diện tích đất này.

Phía bà N lập luận cho rằng do ranh giới giữa đất bà M với đất bà H là ranh cong, nên ranh giới giữa đất bà M với thửa đất của bà N tiếp theo cũng phải là ranh cong. Việc hộ bà M sử dụng đất giáp ranh với đất của bà N theo ranh đường thẳng là không đúng và đã lấn chiếm sang phần đất của bà N với diện tích đo thực tế 100,1m².

Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà V với bà M thể hiện rất rõ; cụ thể trên hợp đồng, trên họa đồ có chiều ngang mặt tiền đường 08m, mặt giáp suối cũng là 08m, 02 cạnh còn lại (*một bên giáp đất bà H, một bên giáp đất bà N hiện nay*) là hai đường ranh thẳng. Như vậy, phần đất còn lại ở phần giáp suối và giáp ranh với đất bà H và bà M là đất của ông N, bà V, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất- phần đất này cấp sơ thẩm đặt tên là đất lưu không, có diện tích khoảng 70m². Sau đó, cũng trong năm 2012 bà V thỏa thuận chuyển nhượng cho bà M sử dụng với giá 20.000.000đồng. Người làm chứng bà V khẳng định hiện trạng sử dụng đất hiện nay của bà M là hoàn toàn đúng diện tích, ranh giới theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà M và phần đất lưu không của bà bán thêm cho bà M.

Về ý kiến tranh luận của nguyên đơn, theo bản đồ chính quy thì ranh giới giữa thửa đất số 18 của bà H, thửa đất số 84 của bà M; thửa đất số 84 của bà N

thuộc tờ bản đồ số 60 thì tất cả đều là ranh cong, nhưng khi bà M, bà N cấp đổi sổ lại sổ lại không theo bản đồ chính quy. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi hộ ông N, bà V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M và cấp đổi lại sổ có sơ đồ không theo đúng hình thể thể hiện ở bản đồ chính quy là không trái với quy định pháp luật về đất đai, hơn nữa đây là quyền tự định đoạt, quyền tự thỏa thuận của các bên (*do giữa bà M thỏa thuận với ông N, bà V mong muốn đất có cạnh đường thẳng*). Tại văn bản phúc đáp số 345/UBND – NC ngày 01/4/2021 của UBND huyện P xác định việc cấp sổ cho các hộ bà M, bà N là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. UBND huyện P cũng đã nói rõ: *“hình thể, diện tích đất thể hiện trong giấy CNQSDĐ đã cấp cho các hộ là do sự thống nhất ranh giới giữa các bên tại thời điểm cấp sổ”*.

Sau khi chuyển nhượng cho bà M, phần diện tích đất còn lại 295m² (đo đạc thực tế 306,5m²) thì bị Cơ quan Thi hành án dân sự huyện B cưỡng chế bán đấu giá để thi hành bản án, bà Nguyễn Thị Kim N là người trúng đấu giá diện tích đất này. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là ông H (chồng bà N) thừa nhận khi tham gia đấu giá có kiểm tra về hồ sơ, lý lịch của thửa đất, nhưng ông H lại khai rằng khi bàn giao thì cán bộ thi hành án có cắm cọc ranh ở phía trước đường lộ và chiều sâu vào khoảng 30m, còn phần phía sau do cây cối mọc rậm rạp nên cán bộ thi hành án chỉ bằng tay, nhìn bằng mắt thường và có hình thể đường ranh giáp đất bà M là đường cong. Tuy nhiên, lời khai của đại diện cơ quan Thi hành án là ông Ngô Hữu Đ- chấp hành viên khẳng định vào ngày 10/4/2014 có giao đất cho bà N trên thực địa có chứng kiến của ông N theo đúng số liệu như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đó ranh đất giữa đất bà N với đất bà M là một đường thẳng. Hơn nữa, sau đó bà N tiến hành lập hồ sơ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT844804 ngày 26/5/2014; trên sơ đồ thửa đất cũng thể hiện rõ có ranh giữa đất bà N (thửa 63) với đất bà M (thửa 209) là một đường thẳng.

Từ các phân tích trên xét thấy không có cơ sở chỉ ra rằng bà M lấn chiếm đất của bà N nên yêu cầu khởi kiện của bà N không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm cần tính lại theo đúng quy định pháp luật.

Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm do nguyên đơn bà N tự nguyện nộp đã được khấu trừ xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bà M không phải chịu được hoàn lại 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015601 ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị M.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

[1] Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 164, 165, 166, của Bộ luật dân sự 2015, các Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N về yêu cầu buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 100,1m² nằm trong tổng diện tích đất 295m² (do đặc thực tế 306,5m²) thuộc thửa đất số 63 (nay là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 60), tờ bản đồ số 30 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00483/CN ngày 26/5/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim N, tọa lạc tại thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự được tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh biến động cho đúng với thực tế sử dụng.

[2] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc 7.248.706đ bà N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền bà N đã đóng tạm ứng tại Tòa án.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ bà N đã tạm ứng và nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0011723 ngày 17/6/2020.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị M không phải chịu được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015601 ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm do nguyên đơn bà N tự nguyện nộp đã được khấu trừ xong.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo